

Ngữ văn 11

Tự tình (Bài II)

Hồ Xuân Hương

Văn bản

Đêm khuya vắng vắng trống canh dồn,

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn.

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con!

(Thơ Hồ Xuân Hương NXB văn học, Hà Nội, 1987)

CÔNG VIỆC CẦN LÀM.

1. Tìm hiểu tiểu dẫn

2. Đọc - hiểu văn bản.

2.1 Đọc văn bản

2.2 Tìm hiểu văn bản

3. Tổng kết (Ghi nhớ)

4. Luyện tập

5. củng cố, dặn dò

I. Tiểu dẫn

1. Tác giả

Đọc tiểu dẫn , nêu khái quát về cuộc đời Hồ Xuân Hương?

a. Cuộc đời.

- Lưu truyền:

+ Hồ Xuân Hương (? - ?)

+ Quê: Làng Quỳnh Đôi – Quỳnh Lưu – Nghệ An. Sống vào nửa cuối thế kỉ XVIII- nửa đầu thế kỉ XIX.

+ Gia đình: Cha là Hồ Phi Diễn (Có tài liệu ghi là Hồ Sĩ Danh). Mẹ là vợ lẽ, họ Hà, người Kinh Bắc.

- Hồ Xuân Hương đi nhiều nơi và quan hệ thân thiết với nhiều danh nhân nổi tiếng. Ảnh hưởng nhiều tới sáng tác

Hồ Xuân Hương thường sáng tác theo thể loại nào, Tác phẩm tiêu biểu?

- Cuộc đời và sự nghiệp
- Điều kiện sáng tác

b. Sự nghiệp Sáng tác

- Thể loại: Thơ chữ Nôm và chữ Hán
- Tác phẩm:
 - + Trên 40 bài thơ chữ Nôm
 - + Tập thơ “Lưu hương ký” phát hiện năm 1964 gồm 25 bài thơ chữ Hán, 18 bài chữ Nôm

- Nội dung:

+ Là cảnh

Nội dung, nghệ thuật thơ Hồ Xuân Hương?

+ Tuyên chiến với lễ giáo phong kiến, đề cao, ca ngợi, bênh vực người phụ nữ.

- Nghệ thuật:

+ Ngôn ngữ trào phúng mà sâu đậm chất trữ tình, đậm đà chất văn học dân gian.

+ Mang tính dân tộc và hiện đại.

2. Văn bản

- “Tự tình” là bài thơ thứ hai trong chùm thơ gồm ba bài của Hồ Xuân Hương.
- Nội dung: Là tiếng nói tâm tình của người phụ nữ trước cảnh ngộ éo le của bản thân.

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Đọc

Cho biết ý nghĩa nhan đề bài thơ?

a. Nhan đề

Tự tình:

sự giải bày tâm tư, tình cảm của tác giả trước hoàn cảnh sống.
ngang trỗi của bản thân. Đồng thời thể hiện khát vọng
hạnh phúc lứa đôi.

Nêu thể loại và đặc trưng thể loại văn bản?

thơ là
áo le

b. Thể loại văn bản

- Thể: Thất ngôn bát cú Đường luật (Đường thi), có nguồn gốc từ Trung Quốc.
- Loại: Thơ trữ tình

- Đặc trưng thể loại:
- + Là văn chương bác học.
- + Quy định chặt chẽ về Niêm – Luật – Vần – Đối

c. *Bố cục văn bản*

Chia làm bốn phần: Hai câu đề, hai câu thực, hai câu luận, hai câu kết.

2. Tìm hiểu văn bản

a. *Hướng tìm hiểu về văn bản:*

Tìm hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại thơ trữ tình trung đại.

b. Tìm hiểu văn bản

* Hai câu đề:

*Đêm khuya v
Trơ cái hồng*

**Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai
hoàn cảnh xuất hiện?**

- Chủ thể trữ tình: Người phụ nữ.
- Hoàn cảnh xuất hiện:
 - + Thời gian: **Đêm khuya**
 - + Không gian: Rộng lớn tĩnh lặng.
 - Âm thanh: “**Văng vẳng trống canh dồn**”.

→ Là âm thanh từ bước đi của thời gian. Nghệ thuật lấy động tả tĩnh (thơ cổ) tả tiếng trống để tô đậm sự tĩnh lặng của đêm khuya.

Âm thanh được miêu tả gọi điều gì?

- Câu hai đi sâu vào miêu tả tư thế tâm trạng nhân vật trữ tình.

+ “**Tro**”: Nhấn mạnh sự cô đơn lẻ loi, bề bồng của nhân vật trữ tình.

+ “**Hồng nhan**”

Nghệ thuật thể hiện trong hai câu đề?

- Nghệ thuật:

+ Đảo ngữ: “**Tro**” đặt trước “**cái hồng nhan**” nhấn mạnh sự cô đơn bề bồng, ngang tàng của Hồ Xuân Hương.

+ Đối lập: “
rộng lớn) tồ
tình.

**Tâm trạng nhân vật trữ tình thể hiện
trong câu thơ thứ hai?**

Tiểu kết: *Hai câu đề miêu tả không gian, thời gian
nhân vật trữ tình xuất hiện. Đồng thời thể hiện tâm
trạng cô đơn, bế bàng, ngổn ngang của nhân vật
trữ tình.*

* Hai câu thực:

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

*Vàng trắng bóng xế khuyết chưa
tròn*

- Hoàn cảnh bộc lộ tâm trạng

+ Tìm đề

+ Tìm đề

**Tâm trạng nhân vật trữ
tình bộc lộ qua câu thơ:**

“chén rượu hương đưa say lại tỉnh”?

→ Tất cả đều vô ích vì “**say lại tỉnh**”: Như vòng tuần hoàn khép kín. Say rồi tỉnh, tỉnh rồi lại thấy buồn tủi cô đơn chưa sót hơn so với lúc say.

- Hình ảnh: **Trăng, Rượu**

→ Mang ý nghĩa tượng trưng: “**Rượu**” tượng trưng cho tình yêu có chút say đã tan biến, “**trăng**” tượng trưng cho số phận hạnh phúc Hồ Xuân Hương.

+ “Vàng”
“Khuyết”

Ý nghĩa tượng trưng của hình ảnh:
“Vàng trắng bóng xé khuyết chưa tròn”?

dở hăm hiu của Hồ Xuân Hương

Tiểu kết: Hai câu thực thể hiện rõ bi kịch tình duyên của nhân vật trữ tình. Đó là bi kịch lỡ dở tình duyên và tâm trạng chua xót tủi hờn của nữ sĩ họ Hồ.

* Hai câu luận:

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn

+ **Rêu, đá:** Vất vơ, vô định, vô thức

+ Trong câu thơ không mọc rêu, đá mà “**đâm toạc**”

Hình ảnh “rêu, đá” được miêu tả như thế nào?

→ Là hình ảnh thể hiện cá tính

Nghệ thuật sử dụng trong hai câu luận, tác dụng?

- Nghệ thuật:

+ Đối: ***Xiên ngang >< đâm toạc, mặt đất >< chân mây***

+ Đảo ngữ: Hai động từ “**xiên, đâm**” đặt trước hai bổ ngữ “**ngang, toạc**”

→ Nhấn mạnh cá tính ngang ngạnh bướng bỉnh của Hồ Xuân Hương.

→ Nhấn mạnh cá tính ngang ngạnh bướng bỉnh của Hồ Xuân Hương.

Tiểu kết: *Với bút pháp tả cảnh ngụ tình, thiên nhiên góp phần thể hiện rõ nét tâm trạng, bản lĩnh Hồ Xuân Hương. Đó là bản lĩnh cứng cỏi mạnh mẽ và sự phản kháng quyết liệt trước xã hội rẻ rúm người phụ nữ.*

*** Hai câu kết:**

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con

- “**Xuân**”

nhiên đi o
một lần

Hai từ “xuân” có ý nghĩa gì?
nghĩa khác nhau của hai từ “lại”?

- Hai từ “**lại**”

+ **Lại (1)**: Là phụ từ có nghĩa là thêm một lần nữa.

+ **Lại (2)**: Là động từ nghĩa là trở lại

→ Sự trở
tuổi trẻ

Cho biết nghệ thuật sử dụng trong
hai câu cuối, tác dụng?

- **Nghệ thuật**:

+ Lặp từ đồng âm khác nghĩa.

+ Tăng tiến: **Mảnh tình – san sẻ - tí – con con**

→ Nhấn mạnh tâm trạng buồn tủi chua xót nhưng vẫn khao khát hạnh phúc.

Tiểu kết: *Nghệ thuật điệp từ kết hợp với biện pháp tăng tiến thể hiện rõ tình cảnh của người phụ nữ: Khao khát hạnh phúc lứa đôi nhưng lại éo le trong tình duyên.*

III. Tổng kết

“Tự tình” (Bài II) nằm trong chùm thơ Tự tình gồm 3 bài của Hồ Xuân Hương, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc: vừa đau buồn vừa thách thức duyên phận, gắng gượng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch. Bài thơ cho thấy khát vọng hạnh phúc và tài năng độc đáo của “Bà chúa thơ Nôm” trong nghệ thuật sử dụng từ ngữ và xây dựng hình ảnh.

IV. Luyện tập

Đọc “*Tự tình*” (Bài I)

*Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom
Oán hận trông ra khắp mọi chòm.
Mỡ thấm không khua mà cũng cốc,
Chuông sầu không đánh có sao om ?
Trước nghe những tiếng thêm rền rĩ,
Nay giận vì duyên để mỡ mòm.
Tài tử văn nhân ai đó tá
Thân này đâu đã chịu già tom.*

Nhận xét sự giống và khác nhau giữa hai bài “Tự tình” ?

Gợi ý:

- *Giống nhau:*

- + *Đều thể hiện nỗi buồn tủi xót xa, phần uất trước duyên phận éo le của mình.*
- + *Thể hiện sự vươn lên thách thức số phận, phản kháng lại xã hội đương thời.*
- + *Khát khao hạnh phúc lứa đôi.*
- + *Cho thấy tài năng sử dụng ngôn ngữ của “Bà chúa thơ Nôm”.*

- Khác nhau:

“Tự tình” (Bài I) yếu tố thách đố duyên phận mạnh mẽ hơn (oán hận, chuông sầu...), viết khi nhà thơ còn trẻ...

V. Củng cố và dặn dò.

** Củng cố:*

- Qua bài thơ cảm nhận được tâm trạng vừa buồn tủi vừa phần uất trước duyên phận éo le và khát vọng sống hạnh phúc của Hồ Xuân Hương.

- Thấy được tài năng thơ Nôm của Hồ Xuân Hương: Tiếng Việt viết theo thể thơ Đường luật với bút pháp trữ tình vừa sâu lắng vừa mãnh liệt.

* *Dặn dò.*

- + Học thuộc bài thơ.
- + Phân tích tác phẩm.
- + Phát biểu suy nghĩ, cách hiểu, đánh giá về bài thơ.
- + Soạn bài mới.